

GÓP THÊM MỘT SỐ TƯ LIỆU VỀ BỐI CẢNH DU NHẬP VÀ SỰ RA ĐỜI TỜ BÁO ĐẦU TIÊN CỦA PHẬT GIÁO NAM TÔNG KINH VIỆT NAM

Tóm tắt: Phật giáo Nam tông Kinh¹ du nhập Việt Nam từ cuối thập niên 30 của thế kỷ XX. Nói đến công khai sơn, phá thạch để cho Phật giáo Nam tông Kinh được hiện diện trên đất nước Việt Nam là nói đến công lao của các kiều bào, cư sĩ và Phật tử, như: Hòa thượng Hộ Tông, Hòa thượng Bửu Chơn, Thiện Luật, Huệ Nghiêm, Cả Thạnh, Nguyễn Phát Phước, cư sĩ Nguyễn Văn Hiếu, Văn Công Hương, Ba Lý, Sáu Hoa, Ba Diên,... Và cũng thông qua vai trò của các cư sĩ, Phật tử hữu công này mà tờ Ánh sáng Phật pháp - Tờ báo đầu tiên của Phật giáo Nam tông Kinh Việt Nam đã được ấn hành.

Từ khóa: Nam tông; Phật giáo; báo chí; Việt Nam.

1. Bối cảnh du nhập Phật giáo Nam tông Kinh vào Việt Nam

Có thể nói rằng, Phật giáo Nam tông Kinh du nhập vào Việt Nam thông qua nhiều con đường khác nhau. Trong đó, ảnh hưởng trực tiếp và sâu đậm nhất có thể nói là qua vai trò của một nhóm cộng đồng cư dân người Việt Nam sinh sống và làm việc tại Campuchia. Trong cùng thời gian và cùng khung tham chiếu này, Phật giáo Việt Nam cũng như Phật giáo Campuchia đều chịu nhiều biến động khá quan trọng. Sự chuyển mình của Phật giáo qua công cuộc chấn hưng chính là cơ sở để cho Phật giáo Nam tông Kinh ươm mầm, bén rễ trên đất nước Việt Nam.

Thứ nhất, tại Campuchia, trước khi tiến hành công cuộc canh tân, Phật giáo ở vương quốc này cũng buộc phải tổ chức theo mô hình của một nhà nước thế tục (nghiên cứu của Pascal Bourdeaux, Léopold

* Phòng Quản lý Di sản Văn hóa, Bảo tàng Đà Nẵng.

Ngày nhận bài: 17/9/2018; Ngày biên tập: 24/9/2018; Ngày duyệt đăng: 05/10/2018.

Cadière). Hoạt động của các nhà sư trong nước đều phải đặt dưới quyền quản lý của vua Campuchia là Sisowath (sau đó là vua Sisowath Monivong). Chư tăng phải đến thủ đô Phnom Penh học để lấy văn bằng Phật học, để được cấp thẩm quyền hành đạo và hoằng pháp. Bên cạnh đó, chùa chiền xây dựng xong phải trình lên vua Sãi (Sangha-raja) để xin phép đặt tên. Chư tăng trong nước phải thành lập Hội đồng Kỷ luật Sư để liên lạc với Vua Sãi, đồng thời, giúp vua quản lý các hoạt động Phật sự chung trong tỉnh. Cơ cấu nhân sự của Hội đồng Kỷ luật Sư gồm: 1 vị Mêkon - nghĩa là vị Sãi cả (chư tăng) được tập thể tăng ni, Phật tử bầu ra để quản lý 1 tỉnh, thay mặt chư tăng trong tỉnh giao thiệp với chính quyền địa phương về mọi phương diện; 1 hoặc 2 vị Balakon - Phó Sãi Cả, có nhiệm vụ diễn giảng giáo lý cho các tỳ kheo, sa di, Phật tử và học tăng, phụ trách việc tổ chức các nghi lễ tại chùa, sửa chữa và tu bổ chùa chiền; 1 vị Vineythorkon, phụ trách về giới luật trong tăng chúng; 1 vị Sammouhakon, phụ trách về văn khố; 1 vị Lêkhathika là thư ký; vài vị Anoukon là người đại diện cho Sãi cả ở mỗi quận trong từng tỉnh...² (trước năm 1945, Phật giáo Nam tông Khmer Việt Nam cũng chịu sự quản lý chung của Vua Sãi. Do đó, cơ cấu tổ chức cũng được thành lập tương tự như trên). Sự quản lý chặt chẽ của triều đình, những bất ổn của đời sống xã hội, kèm theo là quá trình xâm lược, đặt ách thống trị của thực dân Pháp, sự va chạm với các thành tựu của nền văn hóa, văn minh phương Tây đã làm cho Phật giáo Campuchia bộc lộ nhiều yếu tố bất cập. Và đây cũng chính là thực trạng chung mà Phật giáo ở nhiều nước châu Á cũng như Việt Nam gặp phải lúc này.

Tuy nhiên, ở một góc độ khách quan và tích cực hơn, sự xuất hiện của các giá trị văn hóa, văn minh phương Tây đã tạo ra cho Phật giáo nhiều cơ hội trải nghiệm mới. Đó là sự cọ xát, khảo nghiệm với các tôn giáo lớn, như: Công giáo, đạo Tin Lành và các triết thuyết từ trào lưu tư tưởng Triết học Ánh sáng để làm giàu hơn, phong phú hơn tư tưởng - văn hóa Phật giáo, hoàn thiện hơn cơ cấu tổ chức, cũng như khẳng định tính ưu việt của mình. Cũng trong giai đoạn này, nhiều nhà nghiên cứu, như H. S. Olcott (người Mỹ), H. P. Blavatsky (người Nga), Arnold Edwin, Brewster, Wieger (người Anh), Oldenberg, Max

Weber (người Đức)³,... đã dành công sức và trí tuệ nghiên cứu về Phật giáo và kết quả là nhiều công trình đã được công bố rộng rãi ở tầm mức quốc tế. Đi cùng với những thành tựu nêu trên, đó là những kết quả đạt được từ quá trình hoằng dương Phật pháp của nhiều nhà sư sống tại các nước Âu - Mỹ. Chính từ những nhân tố chủ quan và khách quan như vậy đã thúc đẩy phong trào chấn hưng Phật giáo hình thành tại nhiều nước châu Á, như: Sri Lanka, Ấn Độ, Trung Hoa, Nhật Bản, Thái Lan,... Cũng chính từ đây, báo chí Phật giáo ra đời ở nhiều nước. Sớm nhất có thể kể đến là tờ Tuần san “San-darasa” bằng tiếng Sinhalese và tờ Tạp chí Phật tử bằng tiếng Anh (The Buddhist) - Cơ quan ngôn luận của Hội Thanh Thiếu niên Phật tử Colombo (Colombo Young Men’s Buddhist Association) ra đời tại Sri Lanka vào năm 1888; tờ Maha Bồ Đề Thế giới Phật tử đoàn kết (The Maha Bodhi and the United Buddhist world) - Cơ quan ngôn luận của Hội Maha Đại Bồ Đề, ra đời tại Calcutta, Ấn Độ vào năm 1892,... Sang đầu thế kỷ XX, tờ Giác xã Tùng Thư (số đầu tiên ra mắt là vào ngày 10/10/1918, đến năm 1920, đổi tên thành Hải Triều Âm) - cơ quan ngôn luận của Hội Phật giáo Trung Hoa do Thái Hư Đại sư, Tưởng Tác Tân, Trần Nguyên Bạch, Hoàng Bảo Thương chủ trương phát hành. Đây là tờ tạp chí có nhiều ảnh hưởng to lớn đối với phong trào chấn hưng cũng như đối với quá trình ra đời của báo chí Phật giáo ở khu vực Đông Dương.

Trong quan điểm của chính quyền thực dân Pháp lúc này, việc thành lập khối tư tưởng Phật giáo Đông Dương (Lào - Campuchia - Việt Nam) sẽ tăng cường sự hợp tác giữa ba nước, đồng thời, đưa khu vực này thoát ra khỏi những tác động của cuộc cải cách chính trị - tôn giáo đang diễn ra tại Thái Lan và những động thái ngoại giao mà thực dân Anh đang gây sức ép cho Pháp tại vùng Viễn Đông. Theo Pascal Bourdeaux, thêm vào những lý do ấy, chính phong tục tập quán đã bắt đầu cho phong trào chấn hưng Phật giáo tại Campuchia, Lào và tiếp theo đó là tại Nam Kỳ vào năm 1923. Trong những năm đầu diễn ra cuộc vận động chấn hưng, một số nhà trí thức, các quan chức nhỏ, mỗi người làm theo cách của mình để ủng hộ các nhà sư, bằng cách kêu gọi thảo luận về chính trị - triết học và bảo vệ các giá trị truyền thống

của Phật giáo. Tiêu biểu như nhà báo Nguyễn Mục Tiên trong một bài viết “Nên chấn hưng Phật giáo ở nước nhà”, đăng trên tờ “Đồng Pháp Thời báo”, số 259, ra ngày 5/01/1927, đã đề nghị các nhà thức giả trong nước, nhất là những gia đình đã có truyền thống sùng bái Phật giáo nên mở cuộc điều tra về tình hình tôn giáo trong nước và tiến hành gây dựng lại lý tưởng phát triển cho Phật giáo,... Hay sư Tâm Lai trụ trì chùa Tiên Lữ (Thái Nguyên), sau khi đọc bài “Nên chấn hưng Phật giáo ở nước nhà” của Nguyễn Mục Tiên đã viết bài kêu gọi chấn hưng Phật giáo đăng trên tờ *Khai Hóa Nhật báo*, số 1640, ra ngày 16/01/1927, với một chương trình ba điểm là: “Lập giảng đàn trong chùa; Mở các trường (sơ học yếu lược, sơ đẳng tiểu học) bên cạnh các chùa, đón các thầy bên ngoài vào dạy; Lập nhà nuôi trẻ khó, thu các người tàn tật đói, khó vào nuôi, dạy cho họ nghề nghiệp sinh nhai, làm nhà bảo cô dành cho các trẻ em mồ côi và nuôi cho chúng ăn học”⁴. Tại Campuchia lúc này, những nỗ lực hoạt động của các nhà nghiên cứu trong Viện Viễn Đông Bác cổ, Hội Tri thức nhà Phật mà dẫn đầu là các nhân vật như tiến sĩ Suzanne Karpéles, Hòa thượng Buddhaghosa Ma Keit (Suvannapanno Mahathero), Keh Morn (Missanakau), In Khem (Tikkhapanno), Preah Jotinana Sumedhadhipati (Chuan Nath) đã làm cho nhiều giá trị Phật giáo từng bước được hồi sinh và phát triển. Và đây cũng chính cơ sở ban đầu khá quan trọng để các kiều bào, các Phật tử Việt Nam đang sống tại Campuchia có thêm điều kiện để thực hiện sứ mệnh hoằng pháp và chuyển tải các giá trị của Phật giáo Nam tông về trong nước.

Nhân tố thứ hai là sự thay đổi trong cơ chế quản lý của thực dân Pháp đã tạo ra những điều kiện nhất định cho sự du nhập của Phật giáo Nam tông vào Việt Nam. Dù quá trình vận động chấn hưng của chư tăng ni, Phật tử đã gặp phải sự chỉ trích từ các hội Công giáo và những người theo đạo Khổng (Nho giáo), giới tri thức Tây học, hoặc những người không tín ngưỡng, nhưng về phía các nhà chính trị Pháp, họ vẫn quyết tâm hành động⁵. Bởi trước những ảnh hưởng về mặt văn hóa, tinh thần và nhất là số lượng tín đồ khá đông đảo của Phật giáo, chính quyền thực dân Pháp buộc phải lưu tâm nhiều hơn đến tôn giáo này. Bằng chứng là ngay từ đầu thế kỷ XX, chính quyền thuộc địa đã cho sưu tầm

và dịch nhiều kinh sách Phật giáo sang tiếng Pháp, cho phép thành lập Viện Viễn Đông Bác cổ (École française d'Extrême - Orient, 1900), thành lập Trường Sơ cấp Pali (1914) và đến năm 1922 nâng lên thành Trường Cao đẳng Pali (năm 1960 nâng lên thành Trường Đại học Phật giáo - Soramarit University), thành lập Hội Nghiên cứu vùng Viễn Đông (Société d'études Orientales, 1921), Hội Tri thức nhà Phật (Les Amis du Bouddhisme, 1929)⁶, Viện Nghiên cứu Phật giáo Tiểu thừa bản xứ (Institut Indigène d'Études du Bouddhisme du Petit Véhicule, 1930)...⁷. Thông qua vai trò của các cơ quan này, các học giả người Pháp, như: Silvain, Burnouf, Chavannes, Jean Przyluski, Sylvain Levi, P. Pelliot,... và một số học giả ở Đông Dương đã tích cực nghiên cứu về Phật giáo. Kết quả là nhiều công trình nghiên cứu về Phật giáo đã được công bố trong giai đoạn này, như: *La sagesse du Bouddha et la Science du Bonheur* (Cội nguồn trí tuệ và hạnh phúc của Đức Phật), *Esquisse des principales sectes du Bouddhisme en Extrême - Orient* (Lược khảo các tông phái chính của Phật giáo ở Viễn Đông) của Duroc sĩ Isnard; *Le Bouddhisme en Annam des origines au XIII^e siècle* (Phật giáo Việt Nam từ khởi nguyên đến thế kỷ XIII) của Trần Văn Giáp, *Phật giáo Lược khảo* của Phạm Quỳnh (Nam Phong Tạp chí, số 40)⁸... Sự hình thành các cơ quan nghiên cứu về Phật giáo cùng những thành tựu đạt được đã khích lệ lớn lao lòng tự trọng của những người đang quy ngưỡng tôn giáo này. Trong đó, theo chúng tôi, 2 cơ quan có nhiều tác động nhất là Viện Viễn Đông Bác cổ và Viện Nghiên cứu Phật học Tiểu thừa bản xứ. Nếu như Viện Viễn Đông Bác cổ có vai trò trong việc phục dựng và phát huy các giá trị văn hóa Phật giáo, trùng tu các ngôi chùa cổ, bảo trợ cho việc phiên dịch kinh sách Phật học thì Viện Nghiên cứu Phật giáo Tiểu thừa bản xứ lại có vai trò quan trọng trong việc xây dựng hình mẫu về Thư viện Phật học, các cơ sở giáo dục và đặc biệt là cách thức tổ chức giáo hội Phật giáo theo phong cách phương Tây⁹.

Bên cạnh đó, để mang lại hiệu quả cao trong công tác bình định khu vực Đông Dương, những nhà cầm quyền Pháp buộc phải có những sự am hiểu nhất định về văn hóa ở khu vực này. Tiếp cận Nho giáo, Phật giáo được xem như là một biện pháp hữu hiệu mà nhiều chính khách, nhà nghiên cứu người Pháp lựa chọn. Và trên cơ sở kết

quả từ những báo cáo do Viện Viễn Đông Bác cổ, Hội Tri thức nhà Phật cung cấp, các hoạt động bảo tồn, phục hồi các giá trị văn hóa Phật giáo đã được chính quyền thực dân cũng như chính quyền sở tại lưu tâm, triển khai thực hiện. Hoạt động đáng chú ý đầu tiên tại thời điểm này là việc cải thiện và nâng cấp Thư viện Hoàng gia Campuchia để chuẩn bị cho sự chuyển giao thành một trung tâm nghiên cứu tu thiền Phật giáo lớn (13/8/1925). Vua Campuchia cũng đã cho thành lập một Ủy ban nghiên cứu về Tam Tạng kinh điển để lý giải Kinh, Luật, Luận cũng như tiến hành biên dịch kinh sách Phật giáo sang các ngôn ngữ của chính quốc gia mình (Ủy ban này do Tăng vương Chuon Nath làm Trưởng ban). Đồng thời, dưới sự vận động của bà Karpèlès, tờ tạp chí Phật giáo đầu tiên bằng tiếng Khmer là Kambujasuriyü (Campuchia Surya) đã được xuất bản vào năm 1926.

Cùng với những đóng góp cho Phật giáo Campuchia, Suzanne Karpèlès còn tích cực kêu gọi các thành phần trong xã hội tham gia công tác chấn hưng Phật giáo. Về phía các tăng ni, Phật tử, các nhà trí thức, bà đã thực hiện những chuyến viếng thăm tại các cơ sở thờ tự lớn tại Lào, tại Nam Kỳ vừa để trao đổi thêm về tình hình Phật giáo, nhưng đồng thời, kêu gọi sự tham gia tài trợ của các thành phần này. Tháng 01/1928, Thống đốc Nam Kỳ là Krautheimer còn giao thêm cho bà Suzanne Karpèlès (Viện Viễn Đông Bác cổ) và Huot Thanh (Quản lý Thư viện Hoàng gia Campuchia) nhiệm vụ nghiên cứu về đời sống văn hóa, tinh thần của những người Khmer theo Phật giáo ở Nam Kỳ cũng như ở Campuchia. Kết quả mà nhóm nghiên cứu này đưa ra là: “Nếu người ta không cố gắng tái thiết quốc gia có nhiều dân tộc thiểu số này, thì nó sẽ biến mất khỏi vùng này, hoặc bị đẩy lùi vào trong các cánh rừng, hay hoàn toàn bị đồng hóa bởi các yếu tố hiện đại”. Theo Karpèlès và Huot Thanh, giải pháp sớm cần được thực hiện là phải đào tạo các thế hệ nhà sư thực học, thực tu làm nòng cốt cho quá trình chấn hưng Phật giáo và chính quyền thực dân Pháp phải là những nhà tài trợ chính cho quá trình học tập này. Các nhà sư người Campuchia hay người Việt (chủ yếu là các kiều bào người Khmer) sẽ được đưa đến Phnom Penh để tham gia các khóa học dành riêng cho họ, để họ được học trong một môi trường hoàn toàn của Phật giáo. Với mục đích là dạy lại tiếng mẹ đẻ và Phật giáo thuần túy... nhờ sự

vận động của bà, nhiều tăng ni, Phật tử đã được đưa đến Phnom Penh để học tiếng Pali, tham cứu kinh kệ và tiếp cận Phật giáo theo một phương pháp mới... Còn về phía chính quyền thực dân Pháp, từ cuối năm 1929, Suzanne Karpèles đã cùng với một số nhà tri thức, các tăng ni, Phật tử đệ trình lên Toàn quyền một bản kế hoạch khá chi tiết về việc thành lập một cơ quan nghiên cứu Phật học chung cho cả ba nước Đông Dương.

Trên cơ sở đó, ngày 25/01/1930, Toàn quyền Đông Dương ký Nghị định Số 97, cho phép thành lập Viện Nghiên cứu Phật giáo Tiểu thừa bản xứ (Institut Indigène d'Études du Bouddhisme du Petit Véhicule) tại Phnom Penh¹⁰. Ngày 12/5/1930, Hội đã làm lễ khánh thành trụ sở và chính thức đi vào hoạt động¹¹. Viện Nghiên cứu Phật học Tiểu thừa giao cho một Ban Trị sự quản lý, gồm có hai Hội trưởng, 2 Hội phó (một của Campuchia và một của Lào) cùng các ủy viên và thư ký. Mục đích của Viện là: “Lập Phật học đường tại các chùa Cao Miên và Lào để dạy học đạo. Lập tháp Bảo phương để giữ kinh sách nói về Phật giáo Tiểu thừa. Lập cổ tích sở để chứa đồ cổ tích của Nhà Phật. Dịch kinh sách chữ Pali sang chữ Cao Miên, chữ Lào và chữ Quốc ngữ cho nhân dân xem đặng hiểu đạo lý”¹². Tôn chỉ của Viện là “phát huy những giá trị tinh túy của Phật giáo Nam tông, gạt bỏ những nghi lễ mê tín, đồng thời, làm sống lại niềm kiêu hãnh và khát vọng của quần chúng nhân dân theo Phật giáo”. Tiếp theo sau Phnom Penh là việc mở các phân viện nghiên cứu ở Lào, trước tiên là ở Vientian vào tháng 02/1931, nơi có một thư viện và một trường nghệ thuật tôn giáo, kế đến ở Luang Prabang (năm 1933) và sau đó là ở Nam Kỳ, Việt Nam, v.v...

Thực ra, việc thành lập Viện Nghiên cứu Phật giáo Tiểu thừa được giới chức Pháp lúc đó thừa nhận là để giảm bớt các mối quan hệ với các tu viện của Thái Lan, tái khẳng định đặc tính của Phật giáo tại khu vực Đông Dương và các yếu tố văn hóa đặc biệt, phổ biến. Từ đó, đặt nền móng cho cái gọi là “chủ nghĩa yêu nước mới”. Bàn về vấn đề này, nhóm nghiên cứu của Jean-Hervé Jézéquel cũng đã cho rằng: “Nó (Viện Nghiên cứu Phật giáo Tiểu thừa - DTM) được tạo ra bởi các nhà chức trách của bảo hộ của Pháp để chống lại những ảnh

hưởng chính trị của Xiêm trên cộng đồng tôn giáo Campuchia và tăng cường liên kết với những người đồng cấp Lào của mình”¹³. Bên cạnh đó, thực dân Pháp hiểu được khu vực Đông Dương chính là xứ sở của đất Phật nên việc thành lập Viện này sẽ hướng đến việc quy tụ đội ngũ tăng ni, Phật tử vào trong một tổ chức thống nhất nhằm dễ bề quản lý cũng như tránh được những ảnh hưởng từ Thái Lan, vốn là vùng đất có nhiều điểm tương đồng về văn hóa lẫn tư tưởng. Và quốc gia này cũng đang có những động thái nhằm thoát khỏi sự lệ thuộc trước các chính sách cai trị của tư bản thực dân phương Tây¹⁴. Về khách quan, việc thành lập một cơ quan nghiên cứu dành riêng cho Phật giáo ở Đông Dương đã góp phần khẳng định vị thế và vai trò của tôn giáo này trước sự xuất hiện và ngày càng trở nên phổ biến của nhiều giá trị văn hóa Tây phương. Quan trọng hơn, từ đây các tăng ni, Phật tử sẽ có thêm nhiều điều kiện thuận lợi mới và những động lực mới để tham gia vào các công tác phục hồi và tôn tạo Phật giáo. Theo sử gia Ann Hansen, việc mở cửa Viện Phật giáo Tiểu thừa là “thời điểm quan trọng trong lịch sử Phật giáo tại Campuchia, Lào và là một bước ngoặt gắn kết trí tưởng tượng Phật giáo hiện đại và chủ nghĩa quốc gia”.

Tuy nhiên, cái quan trọng nhất là chi nhánh của Viện Phật học Tiểu thừa lại không được triển khai ở Nam Kỳ, mặc dù đã nhiều lần đề nghị lên chính quyền Pháp. Trong bản báo cáo công tác rất chi tiết, dựa trên lời giới thiệu trong phần đầu của công trình Kinh Tam tạng xuất bản vào tháng 6-7/1932, Karpèles đã chỉ trích gay gắt chủ nghĩa đồng hóa văn hóa Pháp, sự phân biệt và đối xử đối với những người nông dân Đông Dương - những người “đơn giản là người bản xứ có quyền ăn mừng các lễ hội tôn giáo của mình và làm ma chay cho người đã khuất”¹⁵. Bà yêu cầu chính quyền thuộc địa Pháp cần phải quan tâm hoàn thiện cơ cấu Viện Nghiên cứu Phật giáo Tiểu thừa bằng sự thiết đặt một chi nhánh tại Nam Kỳ mà trước tiên là ở Sài Gòn. Mặc dù không thành lập được chi nhánh của Viện, nhưng thông qua các hoạt động của bà Karpèles và nhóm cộng sự trên đất Nam Kỳ, nhất là sự thay đổi trong cơ chế quản lý đối với Phật giáo của thực dân Pháp đã góp phần tạo ra cơ chế thông thoáng hơn cho sự du nhập của Phật giáo Nam tông vào Việt Nam.

Nhân tố thứ ba tạo điều kiện cho Phật giáo Nam tông Kinh du nhập Việt Nam là quá trình vận động chấn hưng Phật giáo diễn ra ở Việt Nam từ sau thập niên 20 của thế kỷ XX. Cùng với việc viết bài kêu gọi chấn hưng Phật giáo, các tăng ni, Phật tử đã đứng ra vận động thành lập các tổ chức sơ khai, như: Lục hòa Liên hiệp, Hội Nam Kỳ Phật giáo và xuất bản báo chí Phật giáo bằng chữ Quốc ngữ. Hai tờ báo Phật giáo xuất hiện sớm nhất ở Việt Nam là tờ *Pháp Âm* do Hòa thượng Khánh Hòa chủ trương và tờ *Phật hóa Tân Thanh Niên* do sư Thiện Chiếu chủ trương,... Tuy nhiên, do không xin được giấy phép nên các tổ chức Phật giáo cũng như các tờ báo này đều không thể đi vào hoạt động. Mặc dù vậy, quá trình vận động chấn hưng Phật giáo giai đoạn này đã tác động sâu sắc đến tâm thức của các tín đồ nhà Phật, thúc đẩy họ nhanh chóng tìm thể hợp pháp và tận dụng tối đa hành lang dân chủ chặt hẹp của chính quyền thực dân để tiến tới thành lập các tổ chức Phật giáo ở cả ba miền đất nước. Sớm nhất là tại miền Nam với sự ra đời của Hội Nam Kỳ Nghiên cứu Phật học (1931) và tiếp đó là Hội An Nam Phật học tại Miền Trung (1932), Hội Phật giáo Bắc Kỳ (1935) tại Miền Bắc... Đi cùng với sự hình thành các tổ chức Phật học, các tờ báo, như: *Từ Bi Âm*, *Duy Tâm*, *Viên Âm*, *Đuốc Tuệ*,... cũng được ấn hành nhằm đáp ứng tốt vai trò là cơ quan ngôn luận của các đoàn thể Phật giáo.

Các Phật tử Việt Nam ở Cao Miên và Lào trước cuộc vận động chấn hưng của các tăng ni, Phật tử ở trong nước, nhất là của Hòa thượng Khánh Hòa, sư Thiện Chiếu đã tích cực đứng ra vận động chấn hưng. Sau khi nghe tin Hội Nam Kỳ Nghiên cứu Phật học thành lập tại Sài Gòn, chư vị Nguyễn Phát Phước, Lê Văn Giảng (Hòa thượng Hộ Tông), Ngô Bảo Hộ (Hòa thượng Thiện Luật), Phạm Văn Tông (Hòa thượng Bửu Chơn), Hồ Văn Viên (Hòa thượng Huệ Nghiêm), Nguyễn Văn Hiếu, Văn Công Hương, Nguyễn Văn Quyền (những người này được xem như là những người sáng lập Phật giáo Nam tông Kinh),... đã gửi kinh phí hỗ trợ, mua tạp chí và xin gia nhập Hội để tham gia tán trợ cho công cuộc chấn hưng Phật giáo. Chính sự nhiệt tâm như vậy nên Ban Trị sự Hội Nam Kỳ Nghiên cứu Phật học qua vai trò cụ Trần Nguyên Chấn đã đứng ra vận động chính quyền

thực dân Pháp thành lập thêm một chi nhánh của Hội tại Nam Vang. Trong bức thư số 188, Khâm sứ, Đốc lý Thành phố Nam Vang là Legros gửi cho Phó nhĩ Hội trưởng Trần Nguyên Chấn đồng ý cho Hội Nam Kỳ Nghiên cứu Phật học thành lập chi nhánh tại Nam Vang¹⁶. Bức thư kèm theo quyết định Số 307 về việc giao cho ông Nguyễn Phát Phước làm Chi hội Trưởng và trụ sở đóng tại chùa Kim Chương. Cùng sự hậu thuẫn tích cực của Yết ma chùa Khánh Lâm, Giáo thọ Thanh Quang và các cư sĩ, như: Tô Quế - Y sĩ, Phạm Ngọc Đăng - Tri phủ, Nguyễn Hạnh Nguyên - Chánh học sanh Sở Tào Tác, Huỳnh Văn Nhung - Đại lý Sở Savon Việt Nam, Nguyễn Văn Lắm - Thông phán Sở Bưu Điện, Trần Văn Minh - Thông phán Sở Tào Tác, Võ Thành Hay - Thông phán Sở Kho Bạc, Nguyễn Ngọc Chấn - Thông phán tại Dinh Đốc lý Nam Vang, Nguyễn Văn Thường - Thư ký tại Dinh Đốc lý Nam Vang, Trần Văn Tuy - Bút toán Sở Canh nông Ngân hàng Địa hạt Kandal¹⁷.

Tháng 8/1935, Bác sĩ Lê Văn Giảng dự tính cùng với Ba Lý và Văn Công Hương trở về Nam Kỳ để hoằng pháp. Đến chùa Prek-Reng thăm Đại đức Thiện Luật rồi sau đó họ cùng nhau đến chùa Hội quán Sùng Phước để bàn định công việc và phân công nhiệm vụ thực hiện. Tại đây, Ba Lý cho biết là các thành viên trong Chi hội đã làm được mấy việc: *Thứ nhất*, nhờ Viện Phật học tại chùa Unalom, nhờ Thư viện Hoàng gia Campuchia, nhờ Viện Viễn Đông Bác cổ và nhất là nhờ công đức của Tiến sĩ Suzanne Karpelès nên Chi hội đã xây dựng được thư viện, được ngài Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Pali đánh giá là tốt. *Thứ hai*, Chi hội cũng đã bắt đầu trùng tu và nâng cấp chùa Sùng Phước để trở thành trung tâm hoạt động tích cực trong việc canh tân Phật giáo, nơi đào tạo sư sãi, nơi lưu giữ, bảo quản và nghiên cứu kinh Phật bằng tiếng Pali, Pali - Miên cùng kinh sách Anh, Pháp, Hán, Việt, Miên.... *Thứ ba*, đã cử hành nhiều nghi lễ Phật giáo và tổ chức các buổi thuyết pháp cho cộng đồng cư dân người Việt,... Cư sĩ Văn Công Hương cho biết thêm: Bạn bè, tu sĩ có, cư sĩ có, từ Nam Kỳ sang, cho biết là Phật giáo ở nơi này đã chấn hưng, có khá nhiều tổ chức Phật giáo ra đời, như: Thiên thai Thiên giáo tông Liên hữu Hội (Société d'étude du bouddhisme et de secours mutuels), Nam Kỳ Phật

học Tương tế Hội (L'association d'études bouddhiques et d'assistance de Cochinchine), Tịnh Độ cư sĩ Phật học Hội (L'association du bouddhisme de la Terre Pure), v.v... Họ đang lập thủ tục hồ sơ trình chính phủ bảo hộ để được hoạt động hợp pháp. Ba Lý tiếp lời: Tôi biết. Họ thường đều đặn lui tới Campuchia, muốn giúp đỡ, san sẻ với cộng đồng người Việt ở đây!... Vì thấy Phật giáo ở đâu cũng đang trong cao trào chấn hưng, các vị trí thức, cư sĩ người Việt ở Phnom Penh lẽ nào lại nhắm mắt làm ngơ?¹⁸. Do đó, các thành viên tại buổi họp đã cùng nhau dự định thành lập một tổ chức Phật giáo có quy mô lớn hơn tại Campuchia. Ba Lý, Ba Diên và Sáu Hoa được giao nhiệm vụ sơ thảo nội dung, điều lệ để trình chính quyền bảo hộ; Đoàn Văn Hộ, Hồ Văn Viên, Phạm Văn Tông đảm nhiệm liên hệ Viện Phật học Phnom Penh nhờ giúp đỡ. Theo Minh Đức, ngày 05/7/1935, “An Nam Phật học Hội tại Campuchia” (Association Bouddhique Annamite au Cambodge) được chính quyền bảo hộ phê chuẩn, duyệt y, đặt cơ sở tại chùa Sùng Phước. Chúng tôi rất tiếc là chưa có trong tay đầy đủ các văn bản quyết định thành lập của chính quyền thực dân Pháp. Tuy nhiên, căn cứ vào tờ tạp chí của Hội được chính quyền thực dân Pháp ký quyết định cho phép ấn hành là *Ánh sáng Phật pháp* mà chúng tôi sẽ trình bày ngay dưới đây thì tên gọi được các tăng ni, Phật tử đương thời sử dụng là “Hội Phật học tại Cao Miên (Campuchia)” chứ không phải là “An Nam Phật học Hội tại Campuchia”. Tổ chức này do ông Trần Văn Phép làm Hội trưởng, Khâm sứ Silvestre và Richard làm Hội trưởng Danh dự. Mục đích của Hội được xác định là “Học hỏi cho biết rồi do sự hiểu biết theo sức lại nhờ các bậc Đại đức giúp đỡ mà diễn dịch lần hồi hăng ước ao cho ánh sáng của Phật pháp chói rọi khắp thế gian”¹⁹. Chúng tôi đồng tình và sử dụng tên gọi này trong các nghiên cứu của mình.

Như vậy, chùa Sùng Phước chính là địa chỉ đồ đầu tiên đánh dấu sự thành lập hệ phái Phật giáo Nam tông Kinh Việt Nam. Chùa tọa lạc tại xóm Trường Đua, Quận 5, Thành phố Phnom Penh, chu vi khoảng một mẫu. Những nhân vật đã góp phần tôn tạo chùa Sùng Phước trở thành ngôi Tổ đình của Phật giáo Nam tông và làm nơi sinh hoạt tâm linh, lễ bái, tụng kinh, niệm Phật theo hình thức của tông phái này có

thể kể đến là Sư Cả Thanh, sư Tuệ Báu, sư Lê Khanh và sư Nguyễn Phát Phước,... Tiếp theo là các thế hệ như: ông Dương Văn Phát, ông Lê Minh Học, ông Sáu Hoa, ông Ba Lý, ông Sáu Diên, ông Phán Long, ông Phán Nghiêm, ông Phán Lai, ông Phán Ngọt, ông Phán Huê, ông Tô Kim Phước, ông Lý Văn Ngũ, ông Trương Phong Vĩnh,... Theo Tỳ kheo Thiện Minh: Vì Phật giáo ở Campuchia theo truyền thống Nam tông cho nên đối với Việt kiều chúng ta thì rất xa lạ, vì họ đã từng quen hình thức thờ cúng và tu tập theo truyền thống Phật giáo Bắc tông. Cho nên việc kiến lập một ngôi chùa theo truyền thống Bắc tông để đốt nhang cầu nguyện đối với Việt kiều là để đáp ứng một nhu cầu cần thiết, mang theo kỷ niệm từ quê nhà... Trong khoảng thời gian sau khi vị trụ trì viên tịch, phong trào nghiên cứu kinh điển Phật giáo Nam tông của các Phật tử Việt kiều được phát huy mạnh mẽ. Họ càng nghiên cứu thì họ càng cảm nhận một điều Phật giáo mà người Campuchia đang tu chính là Phật giáo Nam tông có nguồn gốc từ Ấn Độ, Sri Lanka chứ không phải là Phật giáo của riêng dân tộc người Campuchia. Hiểu được điều đó, thầy Lê Minh Học kết hợp một số bạn đạo như thầy Sáu Hoa, thầy Ba Lý bàn bạc nhau và thống nhất xây ngôi chùa Sùng Phước thành ngôi chùa Phật giáo Nam tông cho người Việt. Từ đó về sau, Phật tử chùa Sùng Phước nghiên cứu kinh điển và tụng niệm theo hình thức Phật giáo Nam tông²⁰.

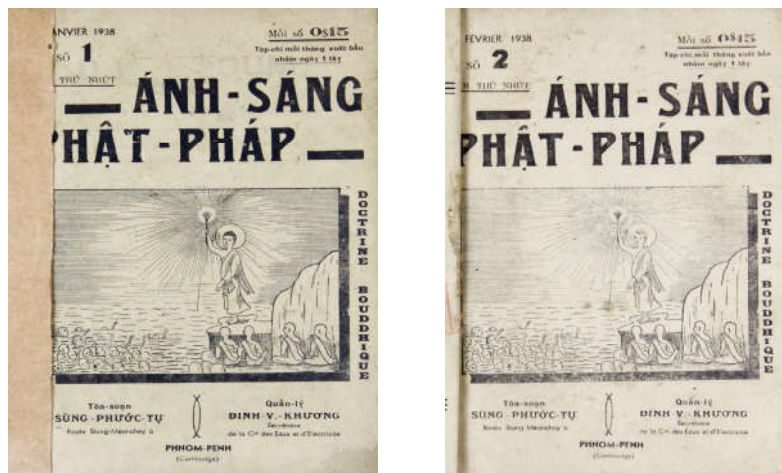
Bước sang năm 1938, khi phong trào chấn hưng Phật giáo lan rộng khắp các tỉnh thành và hoạt động của Hội Phật học tại Cao Miên đã thu được những thành quả nhất định thì các tăng ni, Phật tử người Việt ở Campuchia cũng thúc đẩy nhanh quá trình thiết lập một cơ sở hoạt động ở trong nước. Chư vị Nguyễn Văn Hiểu, Nguyễn Văn Quyển và Văn Công Hương trở về Chợ Lớn tìm đất xây chùa nhưng không tìm được vị trí thích hợp. Sau đó, ba người lên Gò Dưa, xã Tam Bình, Thủ Đức, tìm được một khu đất rất thích hợp để xây chùa, vì địa điểm không xa thành phố và cũng không gần thành thị, với phong cảnh rất yên nhàn. Được biết đất này của Bà Cả và của ông Xã Trưởng Bùi Nguơn Hứa nên họ đến gặp hai ông bà để thương lượng giá cả. Nhận thấy ba người này có thiện tâm lo việc chùa chiền, ông bà rộng lòng bán cho đoàn với giá chỉ 1đ. Ban đầu, chùa được xây dựng bằng vật liệu thô sơ, diện tích

khoảng (12x20m²) và tám liêu cốc cho chư Tăng cư ngụ. Ngôi chùa này được chư tăng ni, Phật tử đặt tên là Bửu Quang (Ratana Ramsyarama). Tháng 4/1939, tại chùa Bửu Quang, Hòa thượng Thiện Luật, tổ chức quy y, thọ giới tập thể cho ông Nguyễn Văn Hiểu, ông Nguyễn Văn Quyền, ông Ba Lý, ông Hương, ông Núi (Thiền sư Bửu Hạnh), ông Nguyễn Văn Mum (Tỳ kheo Tuệ Quang), gia đình ông chủ đất Bùi Ngươn Hứa cùng thân bằng quyến thuộc, bạn bè khoảng ba mươi người, như: Thái Thị Nga, Thái Thị Quế, Kiều Quy, Nguyễn Thị Côi, Nguyễn Thị Xinh, Lê Văn Đức, Nguyễn Thị Kim Cúc, Nguyễn Mạnh Khiết, Phạm Thị Chanh, Nguyễn Thị Quý, Hồ Văn Đầu, Lê Thị Chung, Đặng Thị Châu,... Tất cả đều nhờ ân đức của Hòa thượng Hộ Tông và Bửu Chơn là những pháp sư đầu tiên thuyết pháp, tạo niềm tin chính pháp trong số tín đồ nồng cốt phát triển Phật giáo Nam tông, như: ông hội đồng Đoàn Văn Hườn, ông Cả Ngưu ở Phú Nhuận, ông cựu Thông phán Phạm Công Lợi, ông Hai Ta, ông Quyên, ông Trần Văn Cầm, ông Bảy Quyền, ông Tịnh, ông Phước, ông Minh, ông Trần Văn Nhân, ông Tâm, Tám Vĩnh, ông Dương Văn Thêm (hòa thượng khai sáng chùa Giác Quang sau này), phó hương quản Sách, ông Qườn. Về tín nữ có bà Cả, bà Tích, bà Ba, bà Tư Ồm, bà Bảy Thao, bà Năm Nhiều, chị Ba, cô Tư thợ may, Huỳnh Thị Kỳ, Đoàn Thị Liên, Huỳnh Thị Có, Kiều Thị Giàu, Bà Ngô Thị Lợi, Lê Thị Hương, Trần Thuận Anh, Hà Thúc Hòa, cô Hương, cô Xuân...²¹. Đến năm 1940, chủ trì chùa Bửu Quang mời Vua Sãi Camphuchia và 30 vị Tỳ kheo xuống cử hành cất giới Sima để đưa ngôi tổ đình vào hoạt động chính thức theo phong cách của Phật giáo Nam tông tại Việt Nam.

2. Ánh sáng Phật pháp - Tờ báo đầu tiên của Phật giáo Nam tông Kinh Việt Nam

Cùng với việc phê chuẩn thành lập Hội Phật học tại Cao Miên, ngày 23/9/1937, Thủ hiến Đông Dương đã ký Nghị định Số 2235, cho phép các thành viên trong Hội xuất bản tạp chí *Ánh sáng Phật pháp*. Tòa soạn đặt tại chùa hội quán Sùng Phước, Quản lý là tạp chí là Đinh Văn Khương, chủ nhiệm Phan Văn Minh, thư ký Tô Kim Phước; Ba Lý, Sáu Hoa trông coi quản trị và điều hành; Ba Diên, Phan Nghiêm thường trực Ban Trị sự và Thủ quỹ. Tạp chí xuất bản mỗi tháng một

kỳ, tại nhà in Đức Lưu - Phương, số 158 rue d'Espagne, Sài Gòn (Lê Thánh Tôn, Quận 1 ngày nay), giá mỗi số 0,15đ, mỗi tháng 8đ và mỗi năm là 1,5đ. Số đầu tiên ra mắt vào ngày 01/01/1938 (Tuy nhiên, phải đến ngày 12-13/2/1938, Ban Trị sự Hội Phật học tại Cao Miên mới làm lễ ra mắt tạp chí).



Tạp chí Ánh sáng Phật pháp, Số 1, 2, năm 1938

Mục đích ra đời của tạp chí là nhằm “đem cái giáo lý của đảng Chí tôn mà phơi bày cho các nhà học Phật, xướng minh cái chính pháp để cải chính những chỗ sai lầm, chỉ mong nhân loại quần sinh mau khỏi khổ, sớm được vui... Đối với thân bằng, chưa tin Phật pháp thì tùy duyên khuyến khích cho phát bồ đề tâm. Đối với quyến thuộc mà đức tin kém thiếu thì làm cho càng thêm tinh tấn. Đối với bậc tín thành thì làm cho mau được cứu cánh giải thoát. Còn những người sa cơ thì *Ánh sáng Phật pháp* đem ngoại giáo độ khuyến để chỉ bày phân minh lý nhân quả báo ứng, làm lành được vui, làm dữ bị khổ, dạy pháp bố thí, trì giới được hưởng nhân thiên phước báu. Những người đại căn thượng trí, học rộng thấy xa thì sẽ dùng nội giáo phô bày, phép tham thiền chỉ quan là giáo lý cứu cánh uyên thâm để tế độ cho. Mong sao cho quần chúng an vui, thế gian khỏi khổ, từ chốn thôn quê đến miền thị tứ cho được thấu lý vô thường pháp màu của Phật”²². Mục đích này đã được khái quát qua 8 câu thơ như sau:

Mục kiến quần sinh thọ khổ nàn,
Đích nhiên thế sự họa đa đoan,
Ánh vàng trở mặt soi tam giới,
Sáng chiếu ta bà khắp thể gian.
Phật hóa độ người qua biển khổ,
Pháp diu dắt chúng khỏi lầm than,
Ra vào tự tại ai ai cũng,
Đời hết ba tai đến Niết Bàn.

Tôn chỉ của Ánh sáng Phật pháp là nhằm để hướng theo gương từ bi, hỷ xả của Đức Phật, độ người bất phân tôn ti thượng hạ, không chia giai cấp xã hội, không bệnh mình bỏ người, cũng chẳng nói bôn ban hay ngoại quốc, chỉ biết chúng sinh là quyến thuộc để mong cầu độ tận là được thỏa mãn. Và đúng như bài thơ của Như Hoàng đã viết tặng *Ánh sáng Phật pháp* như sau:

Mừng thay vận hội đạo gần hưng,
Báo mới khuya chông gổ mỗ lần.
Ánh rạng trời Miên nên đuốc huệ,
Sáng lòe đất Việt rọi gương nhân.
Phật ngôn kêu tỉnh hồn trần lụy,
Pháp ngữ truyền xa kiếp khổ tâm.
Cao vượt chín tầng sen mấy đoà,
Miên trường chúc độ khách trầm luân.

Nội dung của tạp chí được chia làm 7 mục, gồm: Mục *Luận đề* dùng để diễn giảng giáo lý màu nhiệm của Phật giáo, làm con đường cứu cánh, giải thoát cho chúng sinh; mục *Luật đề* diễn giảng về giới luật để làm quy tắc tu học cho tăng đồ và tín đồ; mục *Kinh đề* đăng tải các bài viết về sự tích và tấm gương của các bậc cao tăng đặc đạo nhằm khuyến khích việc tu học trong tăng chúng; mục *Lịch sử Phật pháp* giải thích về cội nguồn xuất phát của Phật giáo; mục *Phạm âm Phật giáo* để dạy tiếng Phạn cho các tăng ni, Phật tử để sau này có thêm cơ sở nghiên cứu Phật pháp; mục *Văn uyển* nói về thi ca, từ phú

đạo đức; mục *Phật học Phạn - Việt Từ điển* dùng để diễn giảng tiếng Phạn sang tiếng An Nam. Các cây bút đặc lực của Tạp chí là Hàng Tâm, Nhân Tâm, Chánh Tâm, Huệ Bảo, Minh Đạo, Minh Tú, Phán Lai, Phán Ngọt, Phán Huệ, Tô Kim Phước, Lý Văn Ngừ, Trương Phong Vĩnh, Dương Văn Phát, Francois Nguyễn, Lê Minh Học,... Bên cạnh đó, Tạp chí cũng đã cho thành lập Ban dịch thuật kinh điển do Hòa thượng Hộ Tông làm Trưởng ban Biên tập. Ban này gồm các thành viên: Thầy Sáu Hoa, thầy Ba Lý, ông Phán Nghiêm, ông Trần văn Long (Phán Long), ông Phán Lai, ông Phán Ngọt, ông Phán Huệ, kinh sư Tô Kim Phước, ông Dương Văn Phát, kinh sư Lý Văn Ngừ, và ông Trương Phong Vĩnh. Phật giáo Nam tông Việt Nam có kinh sách dồi dào để phổ biến tư tưởng như hiện nay là nhờ có những đóng góp vô cùng quan trọng của ban dịch thuật này.

Ánh sáng Phật pháp có thể được xem là tờ báo đầu tiên của Phật giáo Nam tông Kinh Việt Nam. Và nếu xét đến sự vận động chấn hưng thì Hội Phật học tại Cao Miên cũng chính là tổ chức đầu tiên đứng ra vận động cải cách Phật giáo Nam tông. Đơn cử, khi đề cập đến thực trạng Phật giáo Việt Nam đầu thế kỷ XX, Hội Phật học tại Cao Miên đã cho rằng: “Giáo lý chân chính đã truy lạc, tà thuyết đầy dẫy, Phật pháp bị trộn lẫn với những cái không phải là Phật pháp, nên không làm cho người tín ngưỡng đăng sáng suốt, mà trái lại làm cho mê muội tối tăm. Những người mất thế ưu thời cho tôn giáo là thuốc độc của quốc dân cũng không phải quá đáng”. Do vậy, muốn chấn hưng Phật giáo, tất cả thiện tín phải học hỏi cho biết luật xuất gia thế nào, để mắt luôn đến quý vị Tỳ khưu cho biết luật tại gia thế nào, để hành theo, nhất là bốn phận người tu Phật phải làm sao. Nếu được vậy thì Phật pháp sẽ trùng hưng²³; muốn chấn hưng Phật giáo, người tu hành phải luôn tìm cách nâng cao giáo lý của đức Phật. Bao giờ giá trị Phật pháp được cao tốt thì dễ bề xu hướng cho tất cả quốc dân. Người tu Phật ai cũng phải có bốn phận đối với Phật pháp. Đối với tín đồ thì ngoài việc trau dồi phẩm hạnh, phải hằng lo việc cúng dường đến chư tăng, lo việc trùng tu ngôi Tam bảo, ấn tống kinh sách mà các đại đức diễn dịch cho được phổ thông, nhất là phải hết lòng kính trọng tăng già vì các ngài là bậc học rộng thấy xa và nghiêm trì giới luật. Tăng

già có được kính trọng thì Phật pháp mới được hưng thịnh. Đối với Tỳ kheo là đáng thay mặt cho Đức Phật phải hết lòng vì Đạo pháp, tâm linh phải trau dồi trong sạch, chuyên cần học hỏi những diệu lý cao siêu của Phật pháp hầu để tự giác đến giác tha. Trong việc tu hành phải trọn lòng tinh tấn hằng chú tâm vào việc hoằng pháp độ sinh, lại phải luôn luôn chăm nom cái sở hành của mình cho đúng theo tôn chỉ tối cao của Đức Thế tôn, để đạt tới mục đích tế độ quần sinh cho thoát khỏi vòng khổ não. Hội nhân mạnh thêm rằng: “Trong tăng già, hàng Tỳ kheo đứng đầu, có giá trị cao thì thiện tín mới có chỗ nương nhờ, như vậy, Phật pháp mới có thể quần độ sinh linh. Muốn cho Phật pháp được xướng minh thì người tu Phật dù xuất gia hay tại gia đều phải luôn nâng cao giá trị của mình²⁴...

Kết luận

Như vậy, trong sự chuyển mình chung của Phật giáo tại nhiều quốc gia châu Á những thập niên cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, Phật giáo Nam tông tại Campuchia, Lào cũng đã tiến hành công cuộc chấn hưng, cải cách, để từ đó, xây dựng cho mình một tâm thế phát triển mới. Với lòng nhiệt thành vì Đạo pháp, các tăng ni, Phật tử, các nhà trí thức Việt Nam sinh sống trên đất Campuchia qua những tác động từ công cuộc chấn hưng Phật giáo ở trong nước cũng như ngoài nước đã tích cực đứng ra vận động để tiến đến thành lập một tổ chức Phật giáo của người Việt là Hội Phật học tại Cao Miên. Cùng với vai trò to lớn này là sự lưu dấu ấn bằng việc vận động để xuất bản thành công tờ báo *Ánh sáng Phật pháp*, với vai trò là cơ quan ngôn luận, hỗ trợ đắc lực cho các hoạt động hoằng pháp và truyền bá Phật giáo Nam tông về trong nước. Do đó, có thể nói rằng, Hội Phật học tại Cao Miên và Tạp chí *Ánh sáng Phật pháp* chính là bước ngoặt quan trọng đầu tiên trong tiến trình du nhập của một hệ phái Phật giáo mới mang đậm sắc thái, văn hóa người Việt là Phật giáo Nam tông Kinh vào Việt Nam. Và từ đó đến nay, dù phải trải qua nhiều thăng trầm nhưng Phật giáo Nam tông Kinh đã luôn đồng hành cùng dân tộc để bước qua hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và chống đế quốc Mỹ xâm lược cũng như góp thêm những hương sắc mới cho quá trình xây dựng và bảo vệ quê hương, đất nước. /.

CHÚ THÍCH:

- 1 “Phật giáo Nam tông” hay còn gọi “Phật giáo Nam truyền” (南傳佛教) là cách mô tả địa dư của trường phái Phật giáo xuất phát từ Ấn Độ, truyền sang các nước trong khu vực qua miền Nam Ấn, gồm các nước: Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan, Lào và Campuchia. Đó là Phật giáo Thượng tọa bộ (Theravāda, 上座部). Phật giáo Truyền từ miền Bắc Ấn Độ gọi là Phật giáo Bắc truyền (北傳佛教) hay Phật giáo Bắc tông, gồm các nước: Việt Nam, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Tây Tạng, Mông Cổ... Cách dùng từ “Nam Tông” và “Bắc Tông” thay thế cho khái niệm “Tiểu thừa” (hīnayāna) và “Đại thừa” (mahāyāna). Tại Việt Nam, Phật giáo Nam Tông có 2 trường phái: 1- Phật giáo Nam Tông Khmer hay còn gọi là Phật giáo Khmer, dùng để chỉ cộng đồng người Khmer theo Phật giáo tại miền Nam Việt Nam; 2- Phật giáo Nam tông Kinh, tên gọi đầy đủ là Phật giáo Nam tông người Kinh, dùng để chỉ cộng đồng người Kinh tu học theo Phật giáo Nam tông tại Việt Nam.
- 2 Xem thêm Lê Hương (1969), *Người Việt gốc Miên*, Nxb. Văn Đàn: 166 - 172.
- 3 Lê Tâm Đắc (2010), “Một số nhân vật tiêu biểu trong phong trào chấn hưng Phật giáo ở châu Á cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 4: 54 - 63.
- 4 Nguyễn Đại Đồng (2013), “Những người đầu tiên khởi xướng Phong trào chấn hưng Phật giáo ở Việt Nam”, *Phật giáo Việt Nam thế kỷ XX - Nhân vật và sự kiện*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội: 13 - 19.
- 5 Pascal Bourdeaux (2016), “Overview on Religious Plurality and Buddhism Revival in Contemporary Vietnam”, École pratique des hautes études (Paris), Palacký University Olomouc, Nguồn: <https://www.upol.cz>.
- 6 Penny Edwards (2007), *Cambodge: The Cultivation of a Nation (1860 - 1945)*, University of Hawai'i Press, Honolulu: 182.
- 7 Trần Nguyên Chấn (1932), “Các nước đều khảo cứu và hoan nghênh Phật giáo”, *Từ Bi Âm*, số 1: 21.
- 8 Trên Tạp chí Nam Phong giai đoạn này, chúng ta bắt gặp nhiều tác phẩm viết về Phật giáo của các học giả trong nước hoặc được dịch từ tiếng Hán, tiếng Pháp sang tiếng Việt như: *Chuyện Thái tử Sudāna* do Hải Hồng dịch, số 85, 1924; *Môn phái Phật giáo ở Tàu* số 121, 1927 và *Phật giáo tổng luận* số 142, 1929, do Thượng Chi dịch; *Một bậc cao tăng nước Tàu: Đường Huyền Trang*, Đông Châu dịch, số 142 và 143, 1929; *Khổng Tử với Thích Già* do Đông Châu dịch, số 167, 1931; *Tolstoi với Phật kinh* do Nguyễn Hữu Tiến dịch, số 172, 1932; *Một bậc cao Tăng nước nhà: Sư cụ Cổ Lễ* của Nhân Văn Đình, số 174, 1932; *Ni cô truyện* của Nguyễn Đôn Phục, số 177, 1932, *Lịch sử Phật giáo nước Tàu* số 178, 1932 và *Bình luận sách Khóa hư* số 189, 1933, của Nguyễn Hữu Tiến; *Phật giáo yếu luận* của Lê Dư số 195, 1934; *Phật giáo tân luận* của Nguyễn Trọng Thuật, số 208 và 209, 1934...
- 9 Khing Hoc Dy (2006 - 2007), “Suzanne Karpelès and the Buddhist Institute”, *The Journal of Cambodia Research*, Center for Khmer Studies, Wat Damnak, Siem Reap, No. 8-9: 55 - 59.

- 10 Gouvernement général de L'Indochine Direction des Archives et des bibliothèques (1938), *Recueil général de la législation et de la réglementation de l'Indochine*, Volume 2, Hanoi, Imprimerie d'extrême-Orient: 455.
- 11 “Inauguration de L'institut indigène D'études du Bouddhisme a Phnom-Penh” (1930), in *Le Monde colonial illustré*, No. 77: 224.
- 12 Trần Nguyên Chấn (1932), “Các nước đều khảo cứu và hoan nghênh Phật giáo”,... Tlđđ: 21.
- 13 Jean-Hervé Jézéquel, Dominique Barjot - et Jacques Frémeaux (dir.) (2012), *Les sociétés coloniales à l'âge des empires : des années 1850 aux années 1950*, Paris, Editions Sedes.
- 14 Grégory Kourilsky (2006), “L’Institut bouddhique ou l’ambition de promouvoir une aire bouddhique Lao-khmère”, *Journal of the Center for Khmer Studies*, No.8: 60.
- 15 Cù Thị Dung (2014), “Tài liệu về một giáo phận của viện Phật giáo ở Nam Kỳ”, trong *Tài liệu Phong Phú Thống đốc Nam Kỳ - Tiềm năng di sản tư liệu*, Nxb. Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.
- 16 “Thư và giấy phép Khâm sứ Đốc lý Thành phố Nam Vang gửi Trần Nguyên Chấn”, *Từ Bi Âm*, số 25: 46.
- 17 Hội Nam Kỳ Nghiên cứu Phật học (1933), “Thành lập chi nhánh tại Nam Vang là kinh đô xứ Cao Miên”, *Từ Bi Âm*, số 25: 42 - 43.
- 18 Minh Đức, “Thấp lura Tâm linh (*Cuộc đời và Hành trạng của ngài Hộ Tông - Sơ tổ Phật giáo Nguyên thủy Việt Nam*)”, <http://huyenkhongsontuong.com>, ngày 07/09/2012.
- 19 Hội Phật học Cao Miên (1938), “Bài diễn văn đọc trong lễ khánh thành tạp chí”, *Ánh sáng Phật pháp*, số 4: 143.
- 20 Thiện Minh (2001), “Năm địa điểm hoàng pháp đầu tiên của Phật giáo Nguyên thủy”, nguồn: <http://tusachhocphat.com/lich-su/nam-trung-tam-hoang-phap-dau-tien-cua-phat-giao-nguyen-thuy.html>
- 21 Thiên Hậu (2017), *Phật giáo Nam tông Kinh Việt Nam (1938 - 1963)*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội: 16 - 17.
- 22 Hội Phật học tại Cao Miên (1938), “Ánh sáng Phật pháp chủ nghĩa”, *Ánh sáng Phật pháp*, số 1: 7 - 8.
- 23 Hội Phật học tại Cao Miên (1938), “Chấn hưng Phật pháp”, *Ánh sáng Phật pháp*, số 4: 110 - 111.
- 24 Hội Phật học tại Cao miên (1938), “Nâng cao Phật pháp”, *Ánh sáng Phật pháp*, số 6: 180 - 181.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Nguyên Chấn (1932), “Các nước đều khảo cứu và hoan nghênh Phật giáo”, *Từ Bi Âm*, số 1.
2. Cù Thị Dung (2014), “Tài liệu về một giáo phận của viện Phật giáo ở Nam Kỳ”, trong *Tài liệu Phong Phú Thống đốc Nam Kỳ - Tiềm năng di sản tư liệu*, Nxb. Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.

3. Khing Hoc Dy (2006 - 2007), “Suzanne Karpelès and the Buddhist Institute”, *The Journal of Cambodia Research*, Center for Khmer Studies, Wat Damnak, Siem Reap, No. 8-9.
4. Lê Tâm Đắc (2010), “Một số nhân vật tiêu biểu trong phong trào chấn hưng Phật giáo ở châu Á cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 4.
5. Nguyễn Đại Đồng (2013), “Những người đầu tiên khởi xướng Phong trào chấn hưng Phật giáo ở Việt Nam”, *Phật giáo Việt Nam thế kỷ XX - Nhân vật và sự kiện*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
6. Minh Đức, “Thắp lửa Tâm linh (*Cuộc đời và Hành trạng của ngài Hộ Tông- Sơ tổ Phật giáo Nguyên thủy Việt Nam*)”, <http://huyenkhongsongthuong.com>, ngày 07/09/2012.
7. Gouvernement général de L'Indochine Direction des Archives et des bibliothèques (1938), *Recueil général de la législation et de la réglementation de l'Indochine*, Volume 2, Hanoi, Imprimerie d'extrême-Orient.
8. Thiên Hậu (2017), *Phật giáo Nam tông Kinh Việt Nam (1938 - 1963)*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội.
9. Hội Nam Kỳ Nghiên cứu Phật học (1933), “Thành lập chi nhánh tại Nam Vang là kinh đô xứ Cao Miên”, *Từ Bi Âm*, số 25.
10. Hội Phật học tại Cao Miên (1938), “Ánh sáng Phật pháp chủ nghĩa”, *Ánh sáng Phật pháp*, số 1.
11. Hội Phật học Cao Miên (1938), “Bài diễn văn đọc trong lễ khánh thành tạp chí”, *Ánh sáng Phật pháp*, số 4.
12. Hội Phật học tại Cao Miên (1938), “Chấn hưng Phật pháp”, *Ánh sáng Phật pháp*, số 4.
13. Hội Phật học tại Cao miên (1938), “Nâng cao Phật pháp”, *Ánh sáng Phật pháp*, số 6.
14. Lê Hương (1969), *Người Việt gốc Miên*, Nxb. Văn Đàn.
15. “Inauguration de L'institut indigène D'études du Bouddhisme a Phnom-Penh” (1930), in *Le Monde colonial illustré*, No. 77.
16. Jean-Hervé Jézéquel, Dominique Barjot - et Jacques Frémeaux (dir.) (2012), *Les sociétés coloniales à l'âge des empires : des années 1850 aux années 1950*, Paris, Editions Sedes.
17. Grégory Kourilsky (2006), “L’Institut bouddhique ou l’ambition de promouvoir une aire bouddhique Lao-khmère”, *Journal of the Center for Khmer Studies*, No. 8.
18. Thiện Minh (2001), “Năm địa điểm hoàng pháp đầu tiên của Phật giáo Nguyên thủy”, nguồn: <http://tusachhocphat.com/lich-su/nam-trung-tam-hoang-phap-dau-tien-cua-phat-giao-nguyen-thuy.html>.
19. Pascal Bourdeaux (2016), “Overview on Religious Plurality and Buddhism Revival in Contemporary Vietnam”, École pratique des hautes études (Paris), Palacký University Olomouc, Nguồn: <https://www.upol.cz>.
20. Penny Edwards (2007), *Cambodge: The Cultivation of a Nation (1860 - 1945)*, University of Hawai'i Press, Honolulu.
21. “Thư và giấy phép Khâm sứ Đốc lý Thành phố Nam Vang gửi Trần Nguyên Chấn”, *Từ Bi Âm*, số 25.

Abstract

**INTRODUCTION OF THE KINH PEOPLE’S THERAVADA
AND ITS FIRST NEWSPAPER IN VIET NAM**

Duong Thanh Mung

Department of Cultural Heritage Management

Danang Museum

Theravada Buddhism has been introduced in to Vietnam since the late 30s of the 20 century. Referring to the merits of the establishment of the Kinh people’s Theravada in Vietnam, it needs to mention the work of the Vietnamese oversea, lay people and Buddhists, such as Venerable Hộ Tông, Venerable Bửu Chơn, Thiện Luật, Huệ Nghiêm, Cả Thạnh, Nguyễn Phát Phước, Nguyễn Văn Hiểu, Văn Công Hương, Ba Lý, Sáu Hoa, Ba Diên, etc. The first Buddhist newspaper “Light of the Dharma” of Theravada was published by role of these laymen, Buddhists.

Keywords: Theravada; Buddhism; newspaper; Vietnam.